

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà PEARL PLAZA, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +8428.35.128.668

Fax: +8428.35.128.688

haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn



HAI MINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2018

TP. HỒ CHÍ MINH

03 - 2019

MỤC LỤC

1	Tổng quan về Công ty cổ phần Hải Minh	3-8
2	Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm	9-13
3	Báo cáo của Ban Giám đốc	14-16
4	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	17-19
5	Quản trị Công ty	20-26
6	Báo cáo tài chính hợp nhất 2018 (đã kiểm toán)	

Phần I

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tên tiếng Anh: HAIMINH CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt: HAMI CORP

Địa chỉ: TẦNG 17, TÒA NHÀ PEARL PLAZA, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM

Điện thoại: 028 3512 8668 Fax: 028 3512 8688

Vốn điều lệ: 131.998.470.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.998.470.000 đồng

Website: www.haiminh.com.vn

Niêm yết cổ phiếu tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Hải Minh

Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần

Mã chứng khoán: HMH

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 13.199.847 CP

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 1.500.000.000 đồng với mười một cổ đông sáng lập, thay đổi Giấy CN ĐKKD lần cuối cùng (lần thứ 14) ngày 30 tháng 05 năm 2017.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- ❖ 01/2002 : Thành lập Công ty cổ phần Hải Minh
- ❖ 06/2005 : Thành lập Công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- ❖ 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- ❖ 10/2006 : Thành lập Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hãng tàu “K” Line Nhật Bản.
- ❖ 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- ❖ 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- ❖ 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- ❖ 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56,16 tỷ đồng
- ❖ 06/2010 : Được chính thức chỉ định là đại lý cho Samudera Shipping Line (Singapore) tại Việt Nam
- ❖ 07/2010 : Niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- ❖ 08/2010 : Thành lập Công ty liên doanh với tập đoàn DongBu Hàn Quốc (Cty TNHH Tiếp Vận DongBu - Hải Minh)
- ❖ 10/2011 : Niêm yết bổ xung 1.741.116 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 17.411.160.000 đ .Nâng vốn điều lệ lên 73,57 tỷ đồng
- ❖ 10/2011 tiến hành đàm phán với PISD thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh – Tỷ lệ vốn góp ban đầu là 13%. Công ty đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và hoạt động từ tháng 03/2012, đến tháng 11/2012 Hải Minh đã nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của PISD.
- ❖ 12/2012: Đăng ký lưu ký bổ xung 2.642.504 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 26.425.040.000đ. Nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng (theo đúng vốn đăng ký trên giấy phép ĐKKD) và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2013.
- ❖ 09/2013: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng vào Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh.
- ❖ 04/2014: Chuyển nhượng một phần vốn góp (25%) tại Công ty TNHH “K” Line Việt Nam
- ❖ 03/2015: Thành lập Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh.
- ❖ 12/2015: Đăng ký lưu ký bổ xung 3.199.847 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 31.998.470.000đ. Nâng vốn điều lệ lên 131.998.470.000 đồng và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2017.
- ❖ 07/2016: Công ty cổ phần Hải Minh thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Hàng hải Hưng Phú (49% của vốn điều lệ 2.000.000.000 VNĐ)
- ❖ 08/2016: Đưa vào sử dụng bãi Container với diện tích 2.3 ha tại Hải phòng
- ❖ Tháng 10/2017: Hạ thủy và đưa vào khai thác Sà lan 1.750 tấn chuẩn SB
- ❖ Tháng 1/2018: Chuyển nhượng phần vốn góp liên kết tại Cty TNHH Tiếp Vận DongBu - Hải Minh

- ❖ Tháng 4/2018: Chuyển nhượng phần còn lại vốn góp liên kết tại Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh chính tại 02 thành phố là Tp. HCM và Hải Phòng với các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

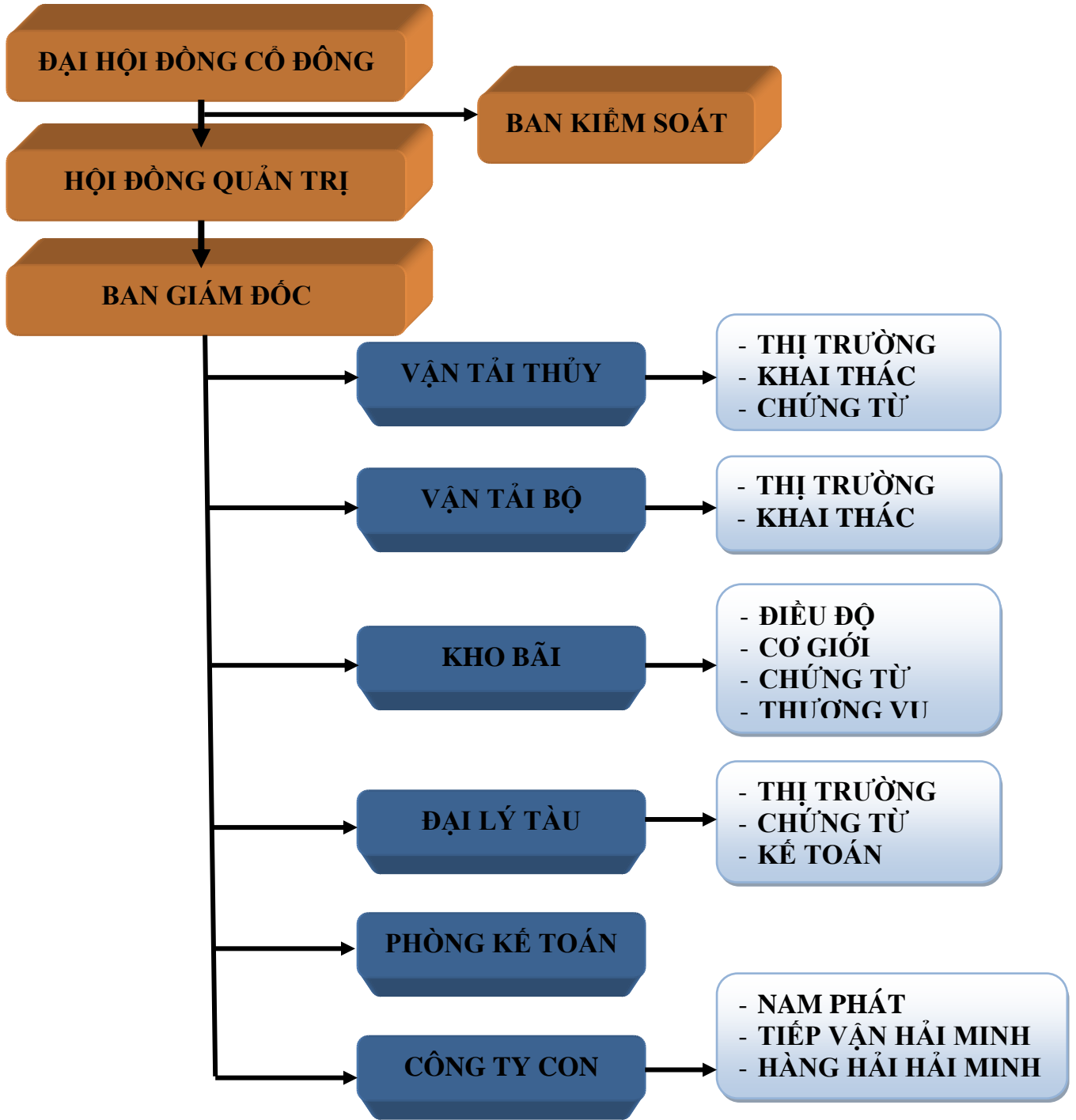
- ✓ Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối;
- ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;
- ✓ Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị chuyên dụng, container;
- ✓ Đại lý tàu biển; cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển.
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng...

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1 Mô hình quản trị bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Hội đồng quản trị.
- ✓ Ban kiểm soát.
- ✓ Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng
- ✓ Tổng giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các đơn vị thành viên, thông qua người phụ trách cao nhất tại các đơn vị là Giám đốc các đơn vị thành viên và các trưởng phó phòng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – sơ đồ tổ chức:



4.3 Các công ty con:

4.3.1 Các công ty con:

- ✓ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008 do sở kế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng.
Vốn điều lệ: 32.000.000.000đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 96,08%
- ✓ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0201242464 ngày 20/02/2012 do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
Vốn điều lệ: 46.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 100%
- ✓ Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 020624350 ngày 06/03/2015 do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
Vốn điều lệ: 42.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 99,99%

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN

Luôn tuân chỉ và bám sát phương châm:

“Phát triển bền vững, bảo toàn vốn, đẩy mạnh hợp tác liên doanh - liên kết, đảm bảo lợi ích nhà đầu tư & người lao động”.

- ✓ Hiệu quả cao trong tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh;
- ✓ Tìm kiếm mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác nhằm phát huy nội lực của công ty kết hợp với thế mạnh của các đối tác;
- ✓ Đảm bảo an toàn và phát triển đồng vốn chủ sở hữu;
- ✓ Nâng cao đời sống cho cán bộ CNV Công ty.

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động SXKD trong năm:

Hoạt động kinh doanh 2018 của Công ty tiếp tục gặp nhiều thách thức và khó khăn, suy thoái chung toàn thị trường và đặc biệt ngành Hàng hải là những nguyên nhân chính mang đến những tác động khách quan, bất lợi đối những doanh nghiệp hoạt động khai thác dịch vụ hậu cần ngành Hàng Hải. Các mảng dịch vụ khai thác của Công ty Cổ phần Hải Minh cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng của các tác động đó, cụ thể một số dịch vụ phải tạm dừng khai thác khu vực TpHCM, hoạt động dịch vụ khai thác của các đơn vị thành viên tại khu vực phía Bắc (Hải Phòng) đã có những chuyển biến đáng kể so cùng kỳ 2017 sau khi hạ tầng giao thông tại Tp Hải Phòng được nâng cấp hoàn thiện...Cụ thể, kết quả kinh doanh 2018 của Công ty đạt như sau:

Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD đạt 144,49 tỷ đồng tăng 18,67% so kế hoạch và tăng 20,68% so với năm 2017. Tổng chi phí đạt 133,04 tỷ đồng tăng 25% so với kế hoạch tăng 19,93% so cùng kỳ. Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 11.43 tỷ đồng đạt 78,46% so với kế hoạch. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 815,3 đồng /cổ phần.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2017	Kế Hoạch 2018	Thực hiện 2018	2018 TH/KH (%)	2018/2017 (%)
Tổng doanh thu	119.732	121.763	144.493	118,67	120,68
+ DT từ hoạt động SXKD	113.228	114.416	124.232	108,58	109,72
+ DT tài chính	4.282	7.347	18.777	255,56	438,50
+ DT Khác	2.222	0	1.485	N/A	66,82
Tổng chi phí	110.933	106.438	133.046	125,00	119,93
+ CP giá vốn	99.328	96.796	110.809	114,48	111,56
+ Tài chính	1.520	71	12.568	17.723,64	826,82
+ CP quản lý doanh nghiệp	9.870	9.571	9.568	99,98	96,94
+ CP Khác	215	0	101	N/A	46,93
Lợi nhuận sau thuế	7.168	12.563	8.872	70,62	123,78
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	14.858	2.000	2.553	127,66	17,18
Tổng lợi nhuận hợp nhất	22.027	14.563	11.426	78,46	51,87

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

2.1 Danh sách ban điều hành

a. Ông Nguyễn Thế Hưng – Tổng giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN THẾ HƯNG
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 16/10/1973
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Số CMND : 024897269 Cấp ngày 10/12/2008 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 92/12 Lâm Văn Bền, P.Tân Thuận Tây, Quận 7, TPHCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán.
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2018): 173.695 cổ phần (1,32% Vốn điều lệ)

b. Ông Đặng Ngọc Hùng –P. Tổng giám đốc

- Họ và tên : ĐẶNG NGỌC HÙNG
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 17/01/1961
- Nơi sinh : Hà nội Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hà nội
- Số CMND : 020376721 Cấp ngày 27/04/2007 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 62AVõ Thị Sáu – P. Tân Định – Q.1, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Khoa học
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó TGD – Phụ trách đối ngoại&Dịch vụ đại lý.
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2018): 28.480 cổ phần (0,22% Vốn điều lệ).

c. Ông Trần Đoàn Viện – P. Tổng Giám đốc phụ trách phía Bắc

- Họ và tên : TRẦN ĐOÀN VIỆN
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 28/08/1970
- Số CMND : 030955726 Cấp ngày 31/12/2008 tại CA Tp Hải Phòng
- Nơi sinh : Hưng Yên Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8/59 Hoàng Quý, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế VT Biển
- Chức vụ công tác hiện nay : P.TGD phụ trách phía Bắc/ GD C.ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2018): 71.808 cổ phần (0,54% Vốn điều lệ).

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến thời điểm 31/12/2018 Công ty có 153 CB CNV, trong đó trình độ trên đại học chiếm 0,65%, trình độ đại học và cao đẳng chiếm 30,72%, Trung cấp và có bằng nghề chuyên môn chiếm 68,63%.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

3.1 Tình hình đầu tư:

✓ Đầu tư phương tiện vận tải & bốc xếp:

Tại Tp Hồ Chí Minh Công ty tiến hành thanh lý một số xe đầu kéo cũ và sắp hết niên hạn, dùng nguồn vốn từ khấu hao tái đầu tư 1 số tài sản thay thế, phù hợp nhu cầu khai thác hiện tại gồm:

- Đầu kéo container: 2 chiếc với tổng số vốn đầu tư là 1,56 tỷ
- Remooc container: 4 chiếc với tổng số vốn đầu tư là 0,82 tỷ

Tại khu vực Tp Hải Phòng, Công ty tiếp tục cải tạo và nâng cấp một số hạng mục bãi container 23.000 m² tại KCN Minh Phương- Đình vũ để phù hợp với thực tế khai thác: Tổng giá trị tăng trong kỳ là: 6,23 tỷ.

✓ Đầu tư liên quan khác:

HDQT Công ty chỉ đạo và đồng hành cùng Ban TGD tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm đối tác và cơ hội phù hợp để triển khai kịp thời các dự án đã trình và được ĐHD CD thông qua...

3.2 Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty liên quan:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Các chỉ tiêu	TV Nam Phát (96,08%)	TV Hải Minh (100%)	HH Hải Minh (99,99%)
Tổng DT	43.254.814	53.575.592	15.101.661
Tổng CP	40.526.868	51.228.308	13.434.471
LN sau thuế	2.178.357	1.877.827	1.667.190

Ngoài ra còn một số đơn vị mà Công ty có tham gia đầu tư tài chính, nhằm tận dụng sức mạnh của đối tác và khai thác triệt để khả năng của công ty như:

+ C.ty TNHH Vận Tải & Xếp dỡ Hải An

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty trong năm ổn định, nguồn vốn dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, thanh khoản tốt, đảm bảo chế độ tiền lương và chính sách với người lao động, thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước kịp thời đúng qui định. Công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương, đủ đảm bảo cho dòng tiền cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính...

4.2 Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	34,57	33,21	47,39
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	65,43	66,79	52,61
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7,85	5,57	5,27
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	92,15	94,43	94,73
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	30,61	20,89	11,27
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	26,79	19,45	9,20
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	12,0	8,3	5,34
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,71	8,18	4,60
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	23,53	16,69	8,66
Lãi cơ bản /cổ phiếu (EPS)	vnd	2,113	1.564	815

Các chỉ tiêu tài chính 2018 cho thấy, tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh, khả năng thanh toán tốt, hệ số nợ giảm so cùng kỳ, tuy nhiên tỷ suất sinh lợi giảm so với cùng kỳ do sự suy giảm chung của ngành và một số nguyên nhân khách quan.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 13.199.847 CP
- Tổng số cổ phiếu đã được mua lại: 291.400 CP
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 12.908.447 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- ✓ Tính đến hiện tại (Theo DS chốt quyền ngày 10/01/2019) cơ cấu cổ đông Công ty CP Hải Minh được thể hiện cụ thể như sau:

TT	THÀNH PHẦN	SỞ HỮU CP	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông lớn	1.557.600	11,80
2	Cổ đông nhỏ	11.642.247	88,20
3	Cổ đông tổ chức	2.718.649	20,60
4	Cổ đông cá nhân	10.481.198	79,40
5	Cổ đông trong nước	10.801.549	81,83
6	Cổ đông nước ngoài	2.398.298	18,17
7	Cổ đông nhà nước	0	0

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Từ ngày 11/07/2018 đến ngày 09/08/2018, thực hiện giao dịch mua cổ phiếu quỹ với tổng số lượng là 291.400 CP.

5.5 Các loại chứng khoán khác:

- Công ty sở hữu 618.500 CP HAH của Công ty Cổ phần Vận tải & Xếp dỡ Hải An.
- Ngoài ra công ty còn đầu tư một số mã chứng khoán kinh doanh tính đến thời điểm 31/12/2018 là: SSI, VJC, HBC, CTG, TCB, PVD, PVS....

Phần III
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC
VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2018.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Hải Minh xin báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

TÓM TẮT KẾT QUẢ HỢP NHẤT BCTC 20178

1.1 Kết quả hợp nhất BCTC năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2017	Kế Hoạch 2018	Thực hiện 2018	2018 TH/KH (%)	2018/2017 (%)
Tổng doanh thu	119.732	121.763	144.493	118,67	120,68
+ DT từ hoạt động SXKD	113.228	114.416	124.232	108,58	109,72
+ DT tài chính	4.282	7.347	18.777	255,56	438,50
+ DT Khác	2.222	0	1.485	N/A	66,82
Tổng chi phí	110.933	106.438	133.046	125,00	119,93
+ CP giá vốn	99.328	96.796	110.809	114,48	111,56
+ Tài chính	1.520	71	12.568	17.723,64	826,82
+ CP quản lý doanh nghiệp	9.870	9.571	9.568	99,98	96,94
+ CP Khác	215	0	101	N/A	46,93
Lợi nhuận sau thuế	7.168	12.563	8.872	70,62	123,78
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	14.858	2.000	2.553	127,66	17,18
Tổng lợi nhuận hợp nhất	22.027	14.563	11.426	78,46	51,87

Tổng doanh thu: 144,493 tỷ tăng 18,67% so kế hoạch và bằng 120,68% so cùng kỳ

Trong đó:

+ Doanh thu SXKD: 124,232 tỷ đạt 108,58% so kế hoạch và bằng 109,72% cùng kỳ.

+ Doanh thu HĐTC: 18,777 tỷ tăng 155,56 % kế hoạch và bằng 438,50% cùng kỳ.

+ Doanh thu khác: 1,485 tỷ bằng 68,82% cùng kỳ.

Tổng chi phí: 133,046 tỷ tăng 25 % kế hoạch và tăng 19,93% cùng kỳ

Trong đó:

+ Chi phí giá vốn: 110,809 tỷ tăng 14,48 % so kế hoạch và tăng 11,56% cùng kỳ.

+ Chi phí QLDN: 9,568 tỷ bằng 99,98 % so kế hoạch và bằng 96,94% cùng kỳ

+ Chi phí TC: 12,568 tỷ

+ Chi phí khác: 0,101 tỷ đồng

Lợi nhuận:

Lợi nhuận từ HĐKD (sau thuế): 8,872 tỷ đạt 70,62% kế hoạch và tăng 23,78% cùng kỳ

Lợi nhuận từ đầu tư: 2,553 tỷ tăng 27,66% kế hoạch và bằng 17,18% cùng kỳ

Lợi nhuận hợp nhất: 11,426 tỷ đạt 78,46% kế hoạch và bằng 51,87% cùng kỳ

1.2 Một số chỉ tiêu tài chính (03 năm liên kê)

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	34,57	33,21	47,39
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	65,43	66,79	52,61
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7,85	5,57	5,27
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	92,15	94,43	94,73
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	30,61	20,89	11,27
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	26,79	19,45	9,20
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	12,0	8,3	5,34
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,71	8,18	4,60
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	23,53	16,69	8,66
Lãi cơ bản /cổ phiếu (EPS)	vnd	2,113	1.564	815

1.3. Báo cáo tình hình sử dụng các quỹ đến 31/12/2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	.Quỹ đầu tư phát triển	6.745.704
2	.Quỹ phúc lợi	
2.1	+ Tồn đầu kỳ	128.791
2.2	+ Tăng trong kỳ	1.537.442
2.3	+ Phân bổ cho các ĐVTV & chi các hoạt động của công ty	1.484.534
2.4	+ Tồn cuối kỳ	181.699
3	.Quỹ khen thưởng ban điều hành	
3.1	+ Tồn đầu kỳ	392.178
3.2	+ Tăng trong kỳ	1.098.173
3.3	+ Chi thù lao TV HĐQT & BKS	752.000
3.4	+ Khen thưởng BGD	180.000
3.5	+ Chi các hoạt động của HĐQT	287.813
3.6	+ Tồn cuối kỳ	270.538

Phần IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT Đ.H.C.Đ NĂM 2018

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Căn cứ vào Nghị quyết số 01-2018/NQ-ĐHCD ngày 22/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa 2018 của Công ty cổ phần Hải Minh.

Thay mặt Hội đồng quản trị xin Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty năm 2018 và Dự kiến nhiệm vụ năm 2019 của công ty như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018.

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	KH 2018	THỰC HIỆN 2018	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	121.762.778	144.492.762	118,67
Tổng chi phí	106.437.688	133.046.308	125,00
Lợi nhuận sau thuế	12.563.267	8.872.497	70,62
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	2.000.000	2.553.116	127,66
Tổng lợi nhuận hợp nhất	14.563.267	11.425.613	78,46

2. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

HDQT đã thực hiện đầy đủ việc phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 7% lợi nhuận HN năm 2017: 1.537.441.859 đồng
- Trích lập quỹ HDQT 5% lợi nhuận HN năm 2017: 1.098.172.756 đồng.
- Chia cổ tức đợt 1/2018 tỷ lệ 10%/CP ngày 22/10/2018: 12.908.447.000 đồng (Sau khi trừ cổ tức không phải chi trả cho cổ phiếu quỹ là: 291.400.000 đồng).
- Chốt danh sách chia cổ tức đợt 2/2018 là 8%/CP và thực hiện chi trả vào ngày 25/1/2019: 10.326.757.600 đồng (Sau khi trừ cổ tức không phải chi trả cho cổ phiếu quỹ là: 233.120.000 đồng)

3. Tình hình quản trị công ty.

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị công ty đã họp ra 06 Nghị quyết, 07 Quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông kiểm điểm tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài khóa năm 2017 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Công ty.

Đã tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế quản lý của công ty, thực hiện việc quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty theo các quy chế đã ban hành. Người đại diện phần vốn góp tại các công ty có vốn góp của công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước... Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

4. Thực hiện quỹ HĐQT năm 2018.

Quỹ HĐQT tồn đến 31/12/2017	:	392.177.908 đ
Trích lập quỹ HĐQT năm 2018 theo NQ ĐHĐCĐ duyệt	:	1.098.172.756 đ
Chi thù lao HĐQT (05 người)	:	600.000.000 đ
Chi thù lao cho BKS (03 người)	:	152.000.000 đ
Chi khen thưởng cho Ban Tổng giám đốc (03 người)	:	180.000.000 đ
Chi cho các hoạt động của HĐQT	:	287.813.139 đ
Quỹ HĐQT tồn đến 31/12/2018	:	270.537.525 đ

B. PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2019.

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và dự tính tình hình thị trường năm 2019 HĐQT công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	TỶ LỆ %
Tổng doanh thu	144.492.762	132.240.354	91,52
Tổng chi phí	133.046.308	119.319.462	89,68
Lợi nhuận sau thuế	8.872.497	10.729.827	120,93
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	2.553.116	0	0
Tổng lợi nhuận hợp nhất	11.425.613	10.729.827	93,91

2. Kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất:

- Tiếp tục định hướng phát triển tập trung đầu tư mở rộng các dịch vụ mới tại khu vực phía Nam khi có cơ hội và phù hợp với quy mô hoạt động, nguồn vốn của công ty.
- Nghiên cứu phát triển mục đích kinh doanh dịch vụ mới của hệ thống kho bãi hiện tại cho phù hợp với tình hình thay đổi của thị trường hiện nay.
- Kiên trì theo đuổi mục tiêu phát triển công ty dưới mọi hình thức: tự lực đầu tư, liên doanh liên kết, đầu tư vốn, mua bán, sát nhập doanh nghiệp.

3. Công tác quản lý công ty:

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của công ty mẹ trên toàn hệ thống thông qua việc: Quản trị tập trung, chủ động điều phối nguồn lực trong toàn công ty về tài chính, nhân sự, đào tạo, công nghệ thông tin, quảng bá thương hiệu, dịch vụ thị trường...
- Tăng cường năng lực quản trị tài chính của công ty mẹ để phát triển và hỗ trợ đầu tư vốn vào các đơn vị thành viên trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng khi có nhu cầu.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng hệ thống tập trung thống nhất trong việc tiếp cận thị trường giữa công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục kiện toàn lại tổ chức các đơn vị trên tinh thần gọn nhẹ, cán bộ phải tinh, có trình độ quản lý, nhiệt tình yêu nghề. Kiên quyết phân loại cán bộ, công nhân viên sắp xếp hợp lý, phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay. Tiết kiệm chi phí là mục tiêu cốt lõi để tăng lợi nhuận.

Phần V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

I – Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	337.904 Cổ phiếu, chiếm 2.56%	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	437.385 Cổ phiếu, chiếm 3.31%	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	340.185 Cổ phiếu, chiếm 2.58%	Không điều hành
4	Nguyễn Thế Quân	Thành viên	526.718 Cổ phiếu, chiếm 3.99%	Không điều hành
5	Phạm Tiến Tịnh	Thành viên	88.365 Cổ phiếu, chiếm 0.67%	Không điều hành

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị công ty đã họp và ra 12 Nghị quyết & Quyết định trong nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khoá năm 2017 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Công ty.

Duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT thông qua. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với các hoạt động tài chính của công ty.

Các TV HĐQT căn cứ vào chức năng nhiệm vụ đã được giao có trách nhiệm giám sát, giúp đỡ ban điều hành thực thi tốt các hoạt động của mình cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018 HĐQT đã có các Nghị quyết, Quyết định sau:

ST T	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2018/NQ-HĐQT	26/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 + Tổng doanh thu: 120.73 tỷ đồng đạt 104.24 % kế hoạch năm 2017. + Tổng chi phí: 113.48 tỷ đồng bằng 111.52 % kế hoạch năm 2017. + Lợi nhuận từ liên doanh – liên kết: 14,89 tỷ bằng 110,26% kế hoạch năm 2017 + Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 22.14 tỷ đồng đạt 88,43 %kế hoạch năm 2017 - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 vào tháng 4 năm 2018. - Thông qua việc thoái hết phần vốn góp của Công ty Cổ phần Hải minh tại Liên Doanh DONGBU-HAI MINH. Giao Ban Giám đốc và ông đại diện vốn của Công ty Cổ phần Hải Minh tại liên doanh DONGBU-HAI MINH tiến hành đàm phán với phía DONGBU để việc thoái vốn đạt hiệu quả cao nhất.
2	01-2018/QĐ-HĐQT	12/02/2018	- Trả thù lao công vụ cho TV HĐQT & BKS đợt 1
3	02-2018/QĐ-HĐQT	12/02/2018	- Khen thưởng BGD đợt 1
4	02-2018/NQ-HĐQT	20/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Duyệt Các báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 + Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2017. + Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018. + Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán + Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 - Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
5	03-2018/NQ-HĐQT	08/05/2018	- Duyệt phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, tối đa 10% tổng số lượng cổ phiếu của Công ty (trong đó bao gồm thu gom cổ phiếu lẻ).
6	03-2018/QĐ-HĐQT	03/05/2018	- Trả thù lao công vụ cho TV HĐQT & BKS
7	04-2018/QĐ-HĐQT	03/05/2018	- Khen thưởng BGD
8	05-2018/QĐ-HĐQT	14/05/2018	- Khen thưởng KTT
9	06-2018/QĐ-HĐQT	18/06/2018	- Quyết định chuyển nhượng phần vốn góp tại Liên doanh KLINE Việt Nam. Giao Ban Giám đốc và ông Nguyễn Văn Hà thành viên HĐQT – Người đại diện vốn của Công ty cổ phần Hải Minh tại Liên doanh KLINE Việt Nam tiến hành đàm phán và thực hiện căn cứ theo Nghị quyết 05-2017/NQ-HĐQT ngày 28/09/2017.
10	04-2018/NQ-HĐQT	07/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018 + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2018. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng doanh thu: 66,79 tỷ đạt 54,9% so với kế hoạch ▪ Tổng chi phí: 60,82 tỷ bằng 57,1% so với kế hoạch ▪ Tổng LN sau thuế: 6,84 tỷ đạt 47% so với kế hoạch. + Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2018. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng doanh thu: 65,017 tỷ. ▪ Tổng chi phí: 51,73 tỷ. ▪ Tổng LN sau thuế: 10,69 tỷ. - Tạm ngưng mua cổ phiếu quỹ sau khi kết thúc đăng ký mua lần đầu tại ngày 09/08/2018. - Chia cổ tức đợt 1 năm 2018 (phân phối lợi nhuận cho kết quả kinh doanh năm 2017 thực hiện trong năm 2018) với tỷ lệ 10%/CP. Thời gian thực hiện chi trả trong tháng 10/2018.

11	05-2018/NQ-HĐQT	08/11/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và ước thực hiện SXKD 3 tháng cuối năm 2018 + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2018. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng doanh thu: 101,17 tỷ đạt 83,1% so với kế hoạch ▪ Tổng chi phí: 92,95 tỷ bằng 87,3% so với kế hoạch ▪ Tổng LN sau thuế: 8,77 tỷ đạt 60,2% so với kế hoạch. + Kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2018. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng doanh thu: 39,33 tỷ. ▪ Tổng chi phí: 31,72 tỷ. ▪ Tổng LN sau thuế: 6,15 tỷ. - Giao BGD xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 và trình HĐQT vào tháng 12/2018 - Tiếp tục theo dõi và thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua về chứng khoán kinh doanh. - Giao BGD tìm hiểu và xây dựng phương án đầu tư đã được HĐQT Công ty thống nhất tại kỳ họp lần thứ 4 năm 2018.
12	07-2018/QĐ-HĐQT	18/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chi cổ tức đợt 2 năm 2018 (phân phối lợi nhuận cho kết quả kinh doanh năm 2017 thực hiện trong năm 2018) với tỷ lệ 8%/CP.

II – Ban kiểm soát

1 – Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban	334.273 Cổ phiếu, chiếm 2.53%	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	114.675 Cổ phiếu, chiếm 0.87%	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	257.535 Cổ phiếu, chiếm 1.95%	

2 – Hoạt động và đánh giá của Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát đã triển khai tổ chức các đợt làm việc định kỳ theo các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp và của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Sau mỗi đợt làm việc đã đưa ra các kết quả kiểm soát và các khuyến nghị cần thiết cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc về công tác quản lý doanh nghiệp, cụ thể là:

- Tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc ban hành các nghị quyết, quyết định thường kỳ nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc trong quá trình quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với các quy định pháp luật và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Kiểm tra tính minh bạch, hợp lý của các hợp đồng kinh tế, công tác hạch toán kế toán, thẩm định các báo cáo về kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Xem xét các báo cáo của Đơn vị kiểm toán độc lập.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty.

2.2. Báo cáo kết quả giám sát

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị :

Ban kiểm soát đã tham dự 04 cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị Công ty nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. HĐQT đã xây dựng chương trình công tác cụ thể, chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh kịp thời trước các biến động của thị trường, tổ chức triển khai và giám sát các hoạt động đầu tư năm 2018 có kết quả khả quan.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ doanh nghiệp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong công tác quản trị công ty. HĐQT đã phân công các Thành viên phụ trách các chuyên đề cụ thể nhằm giúp Ban Giám đốc trong quá trình điều hành thực thi nhiệm vụ được giao.

Các cuộc họp định kỳ trong năm HĐQT đã đề ra các Nghị quyết, quyết định quản trị công ty phù hợp với thực tiễn đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển Công ty đúng với các quy định pháp luật hiện hành

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc :

Trong năm 2018 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều biến động do các yếu tố khách quan. Song qua kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát đánh giá.

- Ban giám đốc đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chức năng nhiệm vụ quy định của pháp luật Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Ban giám đốc đã đề ra các biện pháp, những kiến nghị HĐQT có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Ban giám đốc đã thực hiện các chế độ quản lý tài chính một cách minh bạch đúng với các quy định tài chính hiện hành.

3. Công tác thẩm định các báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định các báo cáo tài chính theo lộ trình hàng quý và năm tài chính năm 2018. Kết quả như sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	1000đ	144.492.762	132.240.354	91,52
Tổng chi phí	“	133.046.308	119.319.462	89,68
Lợi nhuận sau thuế	“	8.872.497	10.729.827	120,93
Lợi nhuận từ đầu tư	“	2.553.116	0	0
Lợi nhuận hợp nhất	“	11.425.613	10.729.827	93,91

- Tình hình tài sản, nguồn vốn đến 31/12/2018.

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017
A. TÀI SẢN	<u>261.923.225</u>	<u>285.162.709</u>
1. Tài sản ngắn hạn	124.132.571	94.708.068
2. Tài sản dài hạn	137.790.654	190.454.640
B. NGUỒN VỐN	<u>261.923.225</u>	<u>285.162.709</u>
I. <u>Nợ phải trả</u>	<u>13.800.281</u>	<u>15.891.530</u>
1. <u>Nợ ngắn hạn</u>	<u>13.593.681</u>	<u>15.706.530</u>
2. <u>Nợ dài hạn</u>	<u>206.600</u>	<u>185.000</u>
II. <u>Vốn chủ sở hữu</u>	<u>248.122.944</u>	<u>269.271.179</u>
1. <u>Vốn góp chủ sở hữu</u>	<u>131.998.470</u>	<u>131.998.470</u>
2. <u>Thặng dư vốn</u>	<u>5.893.984</u>	<u>5.893.984</u>
3. <u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>(3.809.548)</u>	<u>-</u>
4. <u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>6.745.704</u>	<u>6.745.704</u>
5. <u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>105.949.105</u>	<u>123.310.155</u>
6. <u>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</u>	<u>1.345.229</u>	<u>1.322.866</u>

- Tình hình tài chính.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra Ban kiểm soát đánh giá Công ty có tài chính ổn định và lành mạnh thể hiện qua các chỉ tiêu về nguồn vốn, khả năng thanh toán. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn trong sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng nguồn vốn đầu tư từ các cổ đông và vốn tích lũy qua các năm không phải vay mượn ngoài.

- Tình hình thực hiện đầu tư.

Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện đúng kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đã tiến hành thanh lý một số lượng xe container và đầu tư mới 02 đầu kéo, 04 moóc container và tiếp tục cải tạo và nâng cấp một số hạng mục bãi container 23.000 m2 Đình vũ để phù hợp với thực tế khai thác.

4. Đánh giá – Nhận xét và kiến nghị.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty Ban kiểm soát đánh giá trong năm 2018 HĐQT, Ban giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ tổ chức của công ty và các quy định của pháp luật thông qua việc thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, đảm bảo các lợi ích của nhà đầu tư và người lao động. Thực hiện tốt các chế độ, nghĩa vụ về tài chính với nhà nước.

Các Nghị quyết, quyết định được ban hành đúng luật và kịp thời bám sát thực tế nhằm xử lý các khó khăn trong từng giai đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Ban kiểm soát không nhận được các kiến nghị nào của các tổ chức, cá nhân và chưa phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý công ty của Hội đồng quản trị và ban giám đốc trong năm 2018.

Ban kiểm soát kiến nghị trong năm 2018 việc thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra do có nhiều nguyên nhân khách quan. Song HĐQT, Ban giám đốc cần nghiêm túc xem xét những nguyên nhân chủ quan trong quá trình vận hành công ty, về vấn đề tiếp cận thị trường, chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách

hàng, các biện pháp cụ thể tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong công tác quản lý...Chủ động tìm các giải pháp trong việc phát triển dịch vụ mới bù đắp những tổn thất do các nguyên nhân khách quan gây ra.

Đề nghị HĐQT và Ban Giám đốc có kế hoạch xử lý các khoản nợ khó đòi tồn đọng nhiều năm qua.

2.3. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2019.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ đã được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty Ban kiểm soát công ty đề ra phương hướng, nhiệm vụ hoạt động năm 2019 như sau:

1. Xây dựng chương trình làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể trong các thành viên Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
2. Thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong công ty. Thực hiện việc giám sát nội dung, tiến độ việc lập và soát xét các báo cáo tài chính năm 2019 theo hợp đồng ký kết với đơn vị kiểm toán.
3. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty để nắm bắt tiến độ triển khai cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD

3.1 Thù lao năm 2017 của HĐQT chi trong năm 2018

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2018	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	835.000.000	Chuyên trách
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	380.000.000	Chuyên trách
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	120.000.000	
4	Nguyễn Thế Quân	Thành viên	120.000.000	
5	Phạm Tiến Tịnh	Thành viên	120.000.000	

3.2 Thù lao Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2018	Ghi chú
1	Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban	70.000.000	
3	Triệu Đình Trung	Thành viên	41.000.000	
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	41.000.000	

3.3 Thu nhập Ban Giám đốc

STT	Thành viên	Chức danh	Thu nhập đã nhận trong năm 2018	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Hưng	T.Giám đốc	580.800.000	
2	Đặng Ngọc Hùng	P. T. Giám đốc	503.950.000	
3	Trần Đoàn Viện	GD PT phía bắc	528.000.000	

3.4 Thông tin giao dịch của HĐQT, BKS, cổ đông liên quan: Không có

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 361A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên		
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên		
Ông Phạm Tiến Tịnh	Ủy viên		
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban		
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên		
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc		
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân tích tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

NGUYỄN ĐỨC TÂN - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2666-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56/1A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃU B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.132.571.141	94.708.068.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.939.720.350	42.734.241.990
1. Tiền	111		10.939.720.350	11.687.650.797
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.000.000.000	31.046.591.193
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.192.551.866	10.918.946.736
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	10.788.962.576	9.529.406.637
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	10.403.589.290	1.389.540.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.429.188.217	37.249.333.857
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	23.045.014.745	29.889.202.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	132.870.000	122.972.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.987.964.796	8.024.206.382
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.736.601.324)	(787.048.196)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	631.513.620	656.094.633
Hàng tồn kho	141		631.513.620	656.094.633
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.939.597.088	3.149.451.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.455.308.006	1.959.505.097
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	584.056.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	484.289.082	605.890.135
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.790.653.898	190.454.640.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.000.000	367.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	55.000.000	367.088.000
II. Tài sản cố định	220		126.941.651.173	132.373.876.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	104.012.065.708	108.867.969.809
Nguyên giá	222		183.783.373.292	187.123.109.273
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.771.307.584)	(78.255.139.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.929.585.465	23.505.906.237
Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.128.947.228)	(552.626.456)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		639.818.192	4.772.884.999
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	639.818.192	4.772.884.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.784.016.819	47.957.971.606
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12a	-	45.057.954.787
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12b	5.784.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.370.167.714	4.982.820.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.116.001.772	4.793.544.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		254.165.942	189.275.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261.923.225.039	285.162.709.589

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.800.281.172	15.891.530.111
I. Nợ ngắn hạn	310		13.593.681.172	15.706.530.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	7.380.744.658	9.622.352.953
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.335.892.014	1.164.967.735
3. Phải trả người lao động	314		1.775.924.005	2.464.995.637
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		82.597.124	369.217.270
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	744.506.254	1.500.479.140
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		821.780.530	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	63.548.886
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	452.236.587	520.968.490
II. Nợ dài hạn	330		206.600.000	185.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	206.600.000	185.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		248.122.943.867	269.271.179.478
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	248.122.943.867	269.271.179.478
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.809.548.070)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.745.703.936
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.949.105.106	123.310.155.385
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ</i>	<i>421a</i>		<i>94.608.939.881</i>	<i>101.346.700.258</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>11.340.145.225</i>	<i>21.963.455.127</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.345.228.624	1.322.865.886
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		261.923.225.039	285.162.709.589

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN THIỆU ĐUNG
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56-58A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B02a-DN/18
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	124.231.510.674	113.228.386.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.231.510.674	113.228.386.944
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	110.809.451.360	99.328.940.751
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.422.059.314	13.899.446.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	18.776.549.507	4.281.536.938
7. Chi phí tài chính	22	VL4	12.567.674.064	1.519.565.699
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		499.124.653	-
8. Phần tài hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.553.115.747	14.858.418.914
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL5	9.568.275.484	9.870.328.961
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.615.775.020	21.649.507.385
12. Thu nhập khác	31		1.484.702.186	2.222.015.241
13. Chi phí khác	32		100.906.989	214.793.177
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VL6	1.383.795.197	2.007.222.064
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.999.570.217	23.656.729.449
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL7	2.558.125.973	1.640.409.814
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		15.831.269	(10.246.014)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.425.612.975	22.026.565.649
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		11.340.145.225	21.963.455.127
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		85.467.750	63.110.522
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8a	815,28	1.564,08
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL8b	815,28	1.564,08

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

NGUYỄN THỊ HỒNG
Tổng Giám đốc

 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập báo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 36-1A Điện Biên Phủ, Phường 23, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B-03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.899.578.217	23.656.729.449
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khoản hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.484.863.994	13.289.742.167
- Các khoản dự phòng	03		949.613.128	787.048.196
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		22.771.257	11.623.218
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(13.111.350.086)	(16.239.656.866)
- Chi phí lãi vay	06		499.124.683	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.844.793.193	21.585.486.164
- Giảm các khoản phải thu	09		(4.004.009.232)	19.228.050.710
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10		24.581.013	74.768.464
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.783.439.035)	(3.322.312.052)
- Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		1.181.739.890	1.145.946.088
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.259.555.939)	(9.529.406.637)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(499.124.683)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.769.439.988)	(1.856.575.664)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.704.346.518)	(2.993.291.561)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.838.798.687	15.252.665.517
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.705.208.201)	(10.988.425.362)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.476.000.000	286.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.014.049.191)	(106.845.655)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		(2.884.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		53.296.761.811	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.124.008.057	11.578.091.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.293.872.478	769.184.104
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả lại và góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.809.548.070)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		125.426.487.803	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(124.604.707.273)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.108.294.000)	(19.799.770.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.096.061.540)	(19.799.770.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.228.249.617	(3.777.928.684)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.734.241.990	46.513.785.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.771.257)	(11.623.218)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	57.936.720.360	42.734.241.990

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tải chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : 028 35128 668
 - Fax : 028 35128 688
 - Mã số thuế : 0302525162

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đồng Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đồng Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đồng Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 153 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 168 người).

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đo đánh giá lại số dư tiền tệ cơ gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi cổ tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dự trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hệ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hệ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 – 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	1.957.564.927	1.373.444.310
Tiền gửi ngân hàng	8.982.155.423	9.089.179.031
Tiền đang chuyển	-	1.225.027.456
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>47.000.000.000</u>	<u>31.046.591.193</u>
Cộng	<u>57.939.720.350</u>	<u>42.734.241.990</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,0%/năm (năm 2017: 4,8% đến 5,1%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	1.521.150.650	1.521.150.650	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	-	-	-	1.609.788.583	1.609.788.583	-
Tập đoàn Bảo Việt	-	-	-	1.531.528.699	1.531.528.699	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	540.810.000	540.810.000	-	4.866.938.705	4.866.938.705	-
Công ty Cổ phần hàng không Vietjet	1.325.485.250	1.325.485.250	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	563.343.750	563.343.750	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.023.533.000	1.023.533.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	874.810.250	874.810.250	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.106.657.500	1.106.657.500	-	-	-	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	921.380.000	921.380.000	-	-	-	-
Công ty cổ phần Chứng khoán MB	737.289.000	737.289.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	639.994.326	639.994.326	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	544.315.250	544.315.250	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.211.815.000	1.211.815.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	1.299.529.250	1.299.529.250	-	-	-	-
Cộng	10.788.962.576	10.788.962.576	-	9.529.406.637	9.529.406.637	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa của niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56-5A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	10.403.589.290	10.403.589.290	1.389.540.099	1.389.540.099
Cộng	10.403.589.290	10.403.589.290	1.389.540.099	1.389.540.099

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,2% đến 7,0% /năm (năm 2017 từ 6,5% đến 6,8%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	24.943.754	3.023.127.930
Công ty TNHH Tiếp Vận Dongbu Hải Minh	-	327.103.606
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	2.508.043.759	2.508.043.759
Samodera Shipping Line Ltd.	1.495.526.538	3.081.372.991
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Phước Tạo	-	1.006.990.000
Công ty CP SangChi	546.174.666	184.674.000
Công ty TNHH Triều Minh Quang	440.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Hải Trường Thành	424.735.000	86.040.000
Chi nhánh Công ty TNHH Khai Thác Container Việt Nam (VNB)	623.531.400	114.755.338
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	2.320.405.262	2.207.742.380
Công ty TNHH Toàn Cầu Khai Minh	474.702.617	857.862.755
Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Toàn Cầu	98.041.478	2.534.950.580
Công ty TNHH Oocl Việt Nam	45.527.600	14.345.390
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Vận Chuyển QMT Việt	2.129.035.493	608.821.665
Khách hàng khác	11.914.347.178	13.333.372.415
Cộng	23.045.014.745	29.889.202.809

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Tư Vấn Minh Giang	-	50.566.450
Khách hàng khác	132.870.000	72.406.412
Cộng	132.870.000	122.972.862

Báo Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	20.987.964.796	-	8.024.206.382	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	-	-	6.352.378.277	-
Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	17.603.758.947	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	242.329.120	-	368.350.693	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	401.000.000	-
Lãi dự thu	611.604.730	-	201.783.782	-
BHXH Phải thu	674.338	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.519.597.661	-	700.693.630	-
b) Phải thu dài hạn khác	55.000.000	-	367.088.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	5.000.000	-	367.088.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	50.000.000	-	-	-
Cộng	21.042.964.796	-	8.391.294.382	-

6. Nợ xấu

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	806.017.503	1.702.026.256	2.508.043.759	1.755.630.631	752.413.128
Tạm ứng các cá nhân	34.635.068	-	34.635.068	34.635.068	-	34.635.068
Cộng	2.542.678.827	806.017.503	1.736.661.324	2.542.678.827	1.755.630.631	787.048.196

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	96.919.662	-	260.714.026	-
Hàng hóa	534.593.958	-	395.380.607	-
Cộng	631.513.620	-	656.094.633	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.455.308.006	1.959.505.097
Chi phí mua bảo hiểm, kiểm định	537.470.402	650.451.849
Chi phí sửa chữa	127.753.589	148.623.427
Công cụ, dụng cụ	275.723.081	383.542.472
Chi phí khác	514.360.934	776.887.350
b) Chi phí trả trước dài hạn	4.116.001.772	4.793.544.571
Chi phí công cụ, dụng cụ, phí văn phòng	2.358.729.451	2.843.740.711
Chi phí sửa chữa	595.594.509	688.854.500
Chi phí khác	1.161.677.812	1.260.949.360
Cộng	<u>5.571.309.778</u>	<u>6.753.049.668</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2018	89.991.689.806	1.434.826.595	86.209.431.836	5.393.032.763	4.094.128.273	187.123.109.273
Tăng trong năm	6.161.371.556	182.000.000	3.494.903.452	-	-	9.838.275.008
Giảm trong năm	-	-	9.878.982.943	-	3.299.028.046	13.178.010.989
31/12/2018	96.153.061.362	1.616.826.595	79.825.352.345	5.393.032.763	795.100.227	183.783.373.292
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2018	26.652.880.818	193.141.395	46.590.399.118	1.947.859.087	2.870.859.046	78.255.139.464
Tăng trong năm	3.051.728.231	110.023.917	7.504.802.056	492.827.328	769.161.690	11.908.543.222
Giảm trong năm	-	-	7.093.347.056	-	3.299.028.046	10.392.375.102
31/12/2018	29.684.609.049	303.165.312	47.001.854.118	2.440.686.415	340.992.690	79.771.307.584
Giá trị còn lại						
01/01/2018	63.338.808.988	1.241.685.200	39.619.032.718	3.445.173.676	1.223.269.227	108.867.969.809
31/12/2018	66.468.452.313	1.313.661.283	32.823.498.227	2.952.346.348	454.107.537	104.012.065.708

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.047.446.911 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.427.058.788 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2018	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	552.626.456	552.626.456
Tăng trong năm	576.320.772	576.320.772
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	1.128.947.228	1.128.947.228
Giá trị còn lại		
01/01/2018	23.505.906.237	23.505.906.237
31/12/2018	22.929.585.465	22.929.585.465

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	31/12/2017
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sân Cảng	-	3.847.405.000
Mua sắm tài sản cố định	445.454.556	731.116.363
Công trình bộ trợ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Cộng	639.818.192	4.772.884.999

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	-	45.057.954.787
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	5.784.016.819	2.900.016.819
Cộng	5.784.016.819	47.957.971.606

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Cộng
Giá trị đầu tư			
Tại ngày 01/01/2018	18.175.783.651	7.069.435.800	25.245.219.451
Tại ngày 31/12/2018	-	-	-
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư			
Tại ngày 01/01/2018	16.487.743.565	3.324.991.771	19.812.735.336
Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết năm 2018	2.563.672.982	-	2.563.672.982
Chuyển nhượng vốn trong kỳ	(37.227.200.198)	(10.394.427.571)	(47.621.627.769)
Tại ngày 31/12/2018	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	34.663.527.216	10.394.427.571	45.057.954.787
Tại ngày 31/12/2018 (*)	-	-	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (**)	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000
Cộng	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000

(*) trong năm 2018 Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ khoản vốn góp vào Công ty TNHH "K" Line Việt Nam và Công ty TNHH Dong Bu Hải Minh theo nghị quyết số 05-2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 9 năm 2017 và nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 1 năm 2018.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8.349.750.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 giá trị hợp lý là 8.250.000.000 VND tương ứng với 412.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.036.099.479	1.036.099.479	1.509.426.209	1.509.426.209
Công ty TNHH Cảng Phước Long	156.683.350	156.683.350	91.628.300	91.628.300
Khách hàng khác	6.187.961.829	6.187.961.829	8.021.298.444	8.021.298.444
Cộng	7.380.744.658	7.380.744.658	9.622.352.953	9.622.352.953

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(182.408.907)	3.766.415.731	3.231.608.842	352.397.982
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	<i>(403.377.001)</i>	<i>1.429.387.233</i>	<i>1.242.691.627</i>	<i>(216.681.393)</i>
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	<i>220.968.094</i>	<i>2.337.028.498</i>	<i>1.988.917.215</i>	<i>569.079.377</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	571.318.761	2.732.473.712	1.769.439.988	1.534.352.485
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	<i>(60.539.109)</i>	<i>884.533.068</i>	<i>958.332.943</i>	<i>(134.338.984)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	<i>631.857.870</i>	<i>1.847.940.644</i>	<i>811.107.045</i>	<i>1.668.691.469</i>
Thuế thu nhập cá nhân	116.893.462	1.547.158.875	1.785.154.969	(121.102.632)
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	<i>(141.974.025)</i>	<i>53.263.978</i>	<i>44.558.656</i>	<i>(133.268.703)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	<i>258.867.487</i>	<i>1.493.894.897</i>	<i>1.740.596.313</i>	<i>12.166.071</i>
Các loại thuế khác	53.274.284	1.217.130.458	1.184.449.645	85.955.097
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	-	401.652.992	394.867.584	6.785.408
Thuế nhà thầu	53.274.284	802.477.466	776.582.061	79.169.689
Cộng	559.077.600	9.263.178.776	7.970.653.444	1.851.602.932
Trình bày:				
Thuế phải thu	605.890.135			484.289.082
Thuế phải nộp	1.164.967.735			2.335.892.014

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả khác

	31/12/2018	31/12/2017
a) Phải trả ngắn hạn khác	744.506.254	1.500.479.140
Kinh phí công đoàn	2.730.900	51.822.930
BHXH	84.883.200	126.484.836
BHYT	18.948.651	24.490.415
BHTN	7.264.704	10.628.921
Cổ tức hải trả	21.004.495	13.923.195
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	124.004.148	118.300.000
Phải trả nhân viên	-	500.411.095
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	485.670.156	654.417.748
b) Phải trả dài hạn khác	206.600.000	185.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	30.000.000	30.000.000
Tài sản - Nhận ký quỹ dài hạn	36.600.000	15.000.000
Cộng	951.106.254	1.685.479.140

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Tăng do			Số cuối năm
	Số đầu năm	trích lập từ lợi nhuận	Chi khác	
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	128.790.582	1.537.441.859	(1.484.533.379)	181.699.062
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	392.177.908	1.098.172.756	(1.219.813.139)	270.537.525
Cộng	520.968.490	2.635.614.615	(2.704.346.518)	452.236.587

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	-	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	21.963.455.127	63.110.522	22.026.565.649
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.034.427.656)	(65.278.165)	(3.099.705.821)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.199.847.000)	-	(13.199.847.000)
Tăng khác	-	-	-	-	13.427.494	-	13.427.494
Giảm khác	-	-	-	(556.728)	(1.771.740.377)	-	(1.772.297.105)
Số dư 31/12/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	-	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
Số dư 01/01/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	-	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.809.548.070)	-	-	-	(3.809.548.070)
Lợi nhuận năm 2018	-	-	-	-	11.340.145.225	85.467.750	11.425.612.975
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(26.108.294.000)	(54.052.676)	(26.162.346.676)
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(2.635.614.615)	-	(2.635.614.615)
Tăng khác	-	-	-	-	140.522.139	-	140.522.139
Giảm khác	-	-	-	-	(97.809.028)	(9.052.336)	(106.861.364)
31/12/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	(3.809.548.070)	6.745.703.936	105.949.105.106	1.345.228.624	248.122.943.867

Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2017 với 10% bằng tiền mặt theo Nghị quyết số 06 - 2017/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2017.

Năm 2018 Công ty tạm chia chia cổ tức đợt 1 theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2018 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt (1000 VND một cổ phần).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2018	31/12/2017	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000	
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>	
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>291.400</i>	<i>-</i>	
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.908.447	13.199.847	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.908.447</i>	<i>13.199.847</i>	
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.			
18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
<i>Ngọai tệ các loại</i>			
	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2017
Dó la Mỹ	USD	129.051,34	22.584,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
Dịch vụ vận tải	39.227.950.738	37.242.471.042
Dịch vụ khai thác kho bãi	60.716.906.077	54.727.373.623
Dịch vụ đại lý container	8.875.291.097	10.038.602.991
Cho thuê văn phòng	3.130.897.541	2.127.300.757
Doanh thu bán hàng hóa	12.280.465.221	9.092.638.531
Cộng	124.231.510.674	113.228.386.944
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ vận tải	41.652.979.500	40.871.098.465
Giá vốn khai thác kho bãi	50.610.422.265	43.688.946.300
Giá vốn đại lý container	5.118.521.128	4.865.796.803
Giá vốn Cho thuê văn phòng	1.745.478.960	1.322.441.591
Giá vốn hàng hóa	11.682.049.507	8.580.657.592
Cộng	110.809.451.360	99.328.940.751

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.068.751.263	1.407.635.747
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	467.860.000	412.500.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	6.796.925.398	2.202.487.643
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	204.205.822	258.913.548
Lãi chuyển nhượng vốn	8.238.807.024	-
Cộng	<u>18.776.549.507</u>	<u>4.281.536.938</u>

4. Chi phí tài chính

Lỗ kinh doanh chứng khoán	11.914.660.538	1.448.744.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	131.117.586	59.198.067
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.771.257	11.623.218
Lãi margin chứng khoán	499.124.683	-
Cộng	<u>12.567.674.064</u>	<u>1.519.565.699</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	5.337.987.203	5.666.592.554
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	400.048.823	342.700.835
Chi phí dụng cụ quản lý	105.561.268	103.936.158
Chi phí khấu hao	377.587.812	399.514.730
Thuế phí và lệ phí	50.812.038	39.866.271
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	949.613.128	787.048.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.779.689.781	2.004.516.215
Chi phí bằng tiền khác	566.975.431	526.154.002
Cộng	<u>9.568.275.484</u>	<u>9.870.328.961</u>

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác		
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.350.830.762	-
Thu bồi thường	-	1.825.002.443
Thu từ thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	388.872.727
Thu nhập khác	133.871.424	8.140.071
Cộng	<u>1.484.702.186</u>	<u>2.212.015.241</u>
Chi phí khác		
Chi phí công cụ dụng cụ thanh lý	-	25.518.188
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	44.998.281
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	-	26.397.795
Nộp phạt thuế	28.852.289	72.357.263
Chi phí khác	72.054.700	45.521.650

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm 2018	Năm 2017
Cộng	100.906.989	214.793.177
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.383.795.197	2.007.222.064
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.999.570.217	23.656.729.449
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	458.249.591	(14.801.496.512)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	458.249.591	72.357.263
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	(14.873.853.775)
Thu nhập chịu thuế	14.457.819.808	8.855.232.937
- Thuế suất 20%	20%	20%
Thuế suất áp dụng thông thường	2.891.563.962	1.771.046.587
Ưu đãi thuế	(333.437.989)	(130.636.773)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.558.125.973	1.640.409.814

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của các Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	11.340.145.225	21.963.455.127
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(680.408.714)	(1.317.807.308)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	10.659.736.511	20.645.647.819
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.074.978	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phần	815,28	1.564,08

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm 2018	Năm 2017
b) Lãi suy giảm trên cổ phần		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	10.659.736.511	20.645.647.819
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.659.736.511	20.645.647.819
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.074.978	13.199.847
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.074.978	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phần	815,28	1.564,08
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	30.402.285.747	20.619.760.090
Chi phí nhân viên	25.749.837.067	27.161.712.024
Chi phí khấu hao	12.484.863.994	13.199.882.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.666.720.935	47.037.642.428
Chi phí bằng tiền khác	1.074.019.101	1.180.273.022
Cộng	120.377.726.844	109.199.269.712
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT		
1. Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		
	Năm 2018	Năm 2017
Mua sắm, xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	-	1.438.603.122
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng từ lợi nhuận được chia	85.467.750	63.110.078
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	611.604.730	201.783.782
2. Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng cuối năm trước đã thu trong năm	199.001.524	225.351.295
Có tức năm trước đã chi trả năm nay	-	6.599.923.500

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuế hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Trong vòng 1 năm	448.559.000	448.559.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.794.236.000	1.794.236.000
Sau 5 năm	3.139.913.000	3.588.472.000
Cộng	<u>5.382.708.000</u>	<u>5.831.267.000</u>

Cam kết thuế hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi, thuê văn phòng theo các hợp đồng như sau:

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTD ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m²/năm.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tiền lương, thưởng	1.981.116.200	1.959.270.266
Cộng	<u>1.981.116.200</u>	<u>1.959.270.266</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu loại hình dịch vụ do đó không phát sinh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thành phố Hải Phòng	89.587.227.618	74.258.840.182
Thành phố Hồ Chí Minh	34.644.283.056	38.969.546.762
Cộng	<u>124.231.510.674</u>	<u>113.228.386.944</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tổng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tổng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2018	31/12/2017	Năm 2018	Năm 2017
Thành phố Hải Phòng	92.703.767.312	93.673.433.668	7.278.297.374	38.704.553.221
Thành phố Hồ Chí Minh	34.235.883.861	38.700.442.378	2.559.977.634	9.611.687.423
Cộng	<u>126.941.651.173</u>	<u>132.373.876.046</u>	<u>9.838.275.008</u>	<u>48.316.240.644</u>

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.939.720.350	57.939.720.350	42.734.241.990	42.734.241.990
Chứng khoán kinh doanh	10.788.962.576	10.788.962.576	9.529.406.637	9.529.406.637
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.403.589.290	10.403.589.290	1.389.540.099	1.389.540.099
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.342.988.489	21.342.988.489	29.136.789.681	29.136.789.681
Phải thu khác	20.799.961.338	20.799.961.338	8.022.943.689	8.022.943.689
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.784.016.819	5.784.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	<u>127.059.238.862</u>	<u>127.059.238.862</u>	<u>93.712.938.915</u>	<u>93.712.938.915</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	7.380.744.658	7.380.744.658	9.622.352.953	9.622.352.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	82.597.124	82.597.124	369.217.270	369.217.270
Phải trả khác	837.278.799	837.278.799	971.640.943	971.640.943
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	821.780.530	821.780.530	-	-
Cộng	<u>9.122.401.111</u>	<u>9.122.401.111</u>	<u>10.963.211.166</u>	<u>10.963.211.166</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.9.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản tiền gửi đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường về được lãi suất cơ lợi cho Công ty.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành.

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng uy tín và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2018	Từ 1 năm trở sống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.939.720.350	-	-	57.939.720.350
Chứng khoán kinh doanh	10.788.962.576			10.788.962.576
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.403.589.290	-	-	10.403.589.290
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.342.988.489	-	-	21.342.988.489
Phải thu khác	20.744.961.338	55.000.000	-	20.799.961.338
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.784.016.819	-	5.784.016.819
Cộng	121.220.222.043	5.839.016.819	-	127.059.238.862
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	7.380.744.658	-	-	7.380.744.658
Chi phí phải trả ngắn hạn	82.597.124	-	-	82.597.124
Phải trả khác	630.678.799	206.600.000	-	837.278.799
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	821.780.530	-	-	821.780.530
Cộng	8.915.801.111	206.600.000	-	9.122.401.111
Chính lệch thanh khoản thuần	112.304.420.932	5.632.416.819	-	117.936.837.751
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.734.241.990	-	-	42.734.241.990
Chứng khoán kinh doanh	9.529.406.637			9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.389.540.099	-	-	1.389.540.099
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.136.789.681	-	-	29.136.789.681
Phải thu khác	7.655.855.689	367.088.000	-	8.022.943.689
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.900.016.819	-	2.900.016.819
Cộng	90.445.834.096	3.267.104.819	-	93.712.938.915
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	9.622.352.953	-	-	9.622.352.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	369.217.270	-	-	369.217.270
Phải trả khác	786.640.943	185.000.000	-	971.640.943
Cộng	10.778.211.166	185.000.000	-	10.963.211.166
Chính lệch thanh khoản thuần	79.667.622.930	3.082.104.819	-	82.749.727.749

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56-1A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ Phần Hải Minh



CHỦ TỊCH HĐQT

Phùng Văn Quang